

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 05 năm 2016

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ XÉT TUYỂN HỌC BẠ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 2016 (Đợt 1)**

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
1.	Hà Thị Hà	Chi	10/10/98	Nữ	Công tác xã hội	01	1	Văn	7.3	Địa	7.3	Địa	7.4	25.5	Đạt
2.	Hà Thị	Do	29/12/98	Nữ	Công tác xã hội	01	1	Văn	6.5	Sử	6.7	Địa	6.9	23.6	Đạt
3.	Hà Thị	Huyền	22/08/98	Nữ	Công tác xã hội	01	1	Văn	6.8	Sử	6.9	Địa	7.0	24.2	Đạt
4.	Vi Văn	Kít	08/10/97		Công tác xã hội	01	1	Văn	6.0	Sử	6.2	Địa	6.1	21.8	Đạt
5.	Lê Bá Quốc	Lập	26/09/92		Công tác xã hội		2NT	Văn	6.0	Sử	6.3	Địa	6.3	19.6	Đạt
6.	Đỗ Thị	Linh	09/12/98	Nữ	Công tác xã hội		1	Văn	7.6	Sử	7.7	Địa	7.8	24.6	Đạt
7.	Phạm Thuỳ	Nga	08/06/98	Nữ	Công tác xã hội	01	1	Văn	6.5	Sử	6.7	Địa	6.4	23.1	Đạt
8.	Hơ Seo	Sênh	19/05/97		Công tác xã hội	01	1	Văn	6.4	Sử	6.0	Địa	6.2	22.1	Đạt
9.	Thào Seo	Thành	19/07/97		Công tác xã hội	01	1	Văn	6.2	Sử	6.3	Địa	6.2	22.2	Đạt
10.	Trần Quỳnh	Hương	28/01/98	Nữ	Đồ hoạ		2	Văn	6.9	NK1	6.7	NK2	6.6	20.7	Đạt
11.	Nguyễn Trung	Thanh	14/09/97		Đồ hoạ		0	Văn	6.6	NK1	8.0	NK2	7.0	21.6	Đạt
12.	Quách Thị Vân	Anh	16/03/97	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.4	Toán	5.5	NK	7.25	22.65	Đạt
13.	Nguyễn Thị Trang	Chi	19/06/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2	Văn	5.5	Toán	6.0	NK	8.0	20	Đạt
14.	Trương Thị	Duyên	11/12/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Toán	7.2	Văn	7.2	NK	7.25	22.65	Đạt
15.	Phạm Thu	Hà	28/08/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Toán	7.0	Văn	6.9	NK	6.75	21.65	Đạt
16.	Nguyễn Thị	Hồng	20/11/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Toán	6.5	Văn	7.1	NK	6.75	20.4	Đạt
17.	Bùi Thị	Hương	27/09/97	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Toán	5.9	Văn	6.5	NK	7.25	20.65	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
18.	Lâm Thuý	Linh	18/07/97	Nữ	Giáo dục mầm non		2	Văn	6.0	Toán	7.0	NK	7.0	20.5	Đạt
19.	Triệu Thị	Năm	04/05/96	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.7	Toán	6.0	NK	6.75	22.95	Đạt
20.	Khuông Thị Lan	Nhi	23/11/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2	Toán	5.2	Văn	4.9	NK	7.5	18.1	Đạt
21.	Đỗ Thị	Nhung	28/01/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Toán	6.6	Văn	7.1	NK	6.5	21.2	Đạt
22.	Lang Thị	Nhung	11/12/96	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.7	Toán	5.7	NK	6.5	22.4	Đạt
23.	Hà Thị	Nụ	17/01/96	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	7.3	Toán	7.3	NK	7.4	25.5	Đạt
24.	Nguyễn Thị	Nụ	20/10/95	Nữ	Giáo dục mầm non		1	Văn	6.5	Toán	6.1	NK	7.0	21.1	Đạt
25.	Hà Thị	Phương	06/04/95	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.5	Toán	6.7	NK	6.9	23.6	Đạt
26.	Lê Thị	Phương	27/09/96	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Văn	5.7	Toán	5.8	NK	6.75	19.25	Đạt
27.	Lữ Thị	Phương	15/10/97	Nữ	Giáo dục mầm non		1	Toán	5.5	Anh	6.1	NK	6.5	19.6	Đạt
28.	Trịnh Thị	Phương	27/07/96	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.8	Toán	6.9	NK	7.0	24.2	Đạt
29.	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/07/98	Nữ	Giáo dục mầm non		2	Toán	6.0	Văn	6.7	NK	7.75	20.95	Đạt
30.	Trần Thị	Thu	29/12/97	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	7.1	Toán	6.1	NK	6.75	23.45	Đạt
31.	Đặng Thị	Thương	28/02/96	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.6	Toán	5.5	NK	6.5	22.1	Đạt
32.	Lê Thị	Thương	12/03/97	Nữ	Giáo dục mầm non		0	Văn	6.7	Toán	5.2	NK	6.5	18.4	Đạt
33.	Phạm Thị	Tuấn	05/12/96		Giáo dục mầm non		1	Văn	7.8	Toán	7.0	NK	7.0	23.3	Đạt
34.	Lê Thị Ánh	Tuyết	12/08/97	Nữ	Giáo dục mầm non		2	Toán	7.1	Văn	5.5	NK	6.5	19.6	Đạt
35.	Lường Thị	Xuân	18/07/97	Nữ	Giáo dục mầm non	01	1	Văn	6.7	Toán	5.7	NK	7.25	23.15	Đạt
36.	Ngô Thị Hải	Yến	05/12/96	Nữ	Giáo dục mầm non		2NT	Văn	7.7	Toán	8.4	NK	7.5	24.6	Đạt
37.	Trịnh Thị	Hoa	19/06/98	Nữ	Ngôn ngữ Anh		2NT	Toán	6.9	Văn	6.6	Anh	6.8	21.3	Đạt
38.	Lê Bá	Thanh	18/04/97		Ngôn ngữ Anh		2NT	Toán	6.0	Văn	6.3	Anh	6.3	19.6	Đạt
39.	Dương Việt	Anh	28/07/97		QL Thể dục thể thao		1	Toán	4.9	Văn	5.7	NK	7.0	19.1	Đạt
40.	Phạm Thu	Anh	05/09/98	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	7.0	Văn	6.9	NK	6.75	21.65	Đạt
41.	Phạm Văn	Chiều	09/09/96		QL Thể dục thể thao	01	1	Toán	5.4	Văn	4.8	NK	9.0	22.7	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
42.	Nguyễn Thị	Chinh	13/06/98	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	6.5	Văn	7.1	NK	6.75	20.4	Đạt
43.	Bùi Thị	Cúc	15/09/93	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	5.9	Văn	6.5	NK	7.25	20.65	Đạt
44.	Hà Thị	Cúc	17/01/96	Nữ	QL Thể dục thể thao	01	1	Toán	5.4	Văn	4.7	NK	9.5	23.1	Đạt
45.	Phạm Thuỳ	Dương	08/08/97	Nữ	QL Thể dục thể thao	01	1	Toán	6.5	Sinh	6.7	NK	6.4	23.1	Đạt
46.	Trương Thị	Hoa	12/08/97	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	7.2	Văn	7.2	NK	7.25	22.65	Đạt
47.	Trần Thị	Hoà	06/04/95	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	5.6	Sinh	5.3	NK	7.5	18.5	Đạt
48.	Triệu Thị	Hoà	20/02/98	Nữ	QL Thể dục thể thao	01	1	Toán	6.7	Sinh	6.0	NK	6.75	22.95	Đạt
49.	Hoàng Ngọc	Hưng	27/07/96		QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	4.6	Sinh	5.1	NK	8.0	13.6	Đạt
50.	Lê Văn	Lợi	08/10/94		QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	5.1	Sinh	5.4	NK	8.0	19.5	Đạt
51.	Lữ Văn	Mừng	18/04/97		QL Thể dục thể thao		0	Văn	4.8	Toán	5.5	NK	9.0	13.8	Đạt
52.	Nguyễn Viết	Nam	08/08/97		QL Thể dục thể thao		2	Toán	7.3	Văn	5.9	NK	9.5	23.2	Đạt
53.	Vũ Văn	Sơn	29/04/98		QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	9.0	Sinh	7.8	NK	9.5	27.3	Đạt
54.	Vì Văn	Thảo	08/10/94		QL Thể dục thể thao	01	1	Văn	6.0	Toán	6.2	NK	6.1	21.8	Đạt
55.	Bùi Thị	Thu	27/12/95	Nữ	QL Thể dục thể thao		2NT	Toán	5.2	Sinh	5.1	NK	8.5	18.8	Đạt
56.	Đỗ Thị	Thương	27/12/95	Nữ	QL Thể dục thể thao		1	Văn	7.6	Toán	7.7	NK	7.8	24.6	Đạt
57.	Vũ Thị Quỳnh	Trang	19/05/97	Nữ	QL Thể dục thể thao		2	Toán	5.5	Sinh	6.2	NK	6.3	18.5	Đạt
58.	Trịnh Thị	Tuyết	29/04/98		QL Thể dục thể thao	01	1	Văn	6.4	Toán	6.0	NK	6.2	22.1	Đạt
59.	Nguyễn Văn	Xuân	05/04/97		QL Thể dục thể thao	01	1	Văn	6.2	Toán	6.3	NK	6.2	22.2	Đạt
60.	Quách Thị	Yến	20/10/86	Nữ	QL Thể dục thể thao	01	1	Văn	6.4	Toán	5.5	NK	7.25	22.65	Đạt
61.	Mùa Bá	Giờ	05/04/97		Quản lý nhà nước	01	1	Toán	7.1	Lý	6.6	Hoá	5.9	23.1	Đạt
62.	Ninh Quang	Hưng	24/08/98		Quản lý nhà nước		2	Toán	5.2	Văn	4.9	Anh	7.5	18.1	Đạt
63.	Đỗ Thị	Lợi	25/02/98	Nữ	Quản lý nhà nước		2NT	Toán	6.6	Văn	7.1	Anh	6.5	21.2	Đạt
64.	Lang Thị	Mừng	04/03/97	Nữ	Quản lý nhà nước	01	1	Văn	6.7	Toán	5.7	Anh	6.5	22.4	Đạt
65.	Lê Nguyên	Tùng	20/10/86		Quản lý nhà nước		2NT	Toán	6.7	Lý	6.8	Hoá	6.8	21.3	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
66.	Lộc Thị	Vân	12/08/97	Nữ	Quản lý nhà nước	01	1	Văn	6.6	Sử	6.9	Địa	7.1	24.1	Đạt
67.	Lê Thị	Anh	20/10/97	Nữ	Quản lý văn hoá		0	Văn	6.7	Toán	5.2	Anh	6.5	6.5	Đạt
68.	Vũ Thị Quỳnh	Anh	05/09/98	Nữ	Quản lý văn hoá		2	Toán	5.5	Lý	6.2	Hoá	6.3	18.5	Đạt
69.	Ngân Thị	Danh	13/06/98	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Văn	6.8	Sử	6.7	Địa	6.9	23.9	Đạt
70.	Lê Thị Ánh	Dương	06/05/93	Nữ	Quản lý văn hoá		2	Toán	7.1	Văn	5.5	Anh	6.5	19.6	Đạt
71.	Hoàng Văn	Hùng	15/09/93		Quản lý văn hoá		2NT	Văn	7.9	Sử	7.0	Địa	7.1	23	Đạt
72.	Lương Văn	Lộc	20/02/98		Quản lý văn hoá	01	1	Văn	5.7	Sử	6.6	Địa	6.4	22.2	Đạt
73.	Hà Ngọc	Mai	24/08/98	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Toán	8.1	Lý	8.4	Hoá	8.7	28.7	Đạt
74.	Lê Thị	Nam	28/01/97	Nữ	Quản lý văn hoá		2NT	Văn	5.7	Toán	5.8	Anh	6.75	19.25	Đạt
75.	Trần Thị	Nhung	16/10/98	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Văn	7.1	Toán	6.1	Anh	6.75	23.45	Đạt
76.	Hà Thị	Phương	25/02/98	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Văn	7.2	Sử	7.5	Địa	7.3	25.5	Đạt
77.	Lữ Thị	Thanh	18/10/97	Nữ	Quản lý văn hoá		1	Toán	5.5	Văn	6.1	Anh	6.5	19.6	Đạt
78.	Nguyễn Thị Phương	Thanh	25/01/98	Nữ	Quản lý văn hoá		2	Toán	6.0	Văn	6.7	Anh	7.75	20.95	Đạt
79.	Hơ Seo	Thành	04/03/97		Quản lý văn hoá	01	1	Văn	6.5	Sử	6.4	Địa	5.8	22.2	Đạt
80.	Lữ Thị	Thiệp	12/11/98	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Văn	7.0	Sử	6.2	Địa	6.4	23.1	Đạt
81.	Nguyễn Thị	Thu	12/11/98	Nữ	Quản lý văn hoá		1	Văn	6.5	Toán	6.1	Anh	7.0	21.1	Đạt
82.	Đặng Thị	Vân	04/08/97	Nữ	Quản lý văn hoá	01	1	Văn	6.6	Toán	5.5	Anh	6.5	22.1	Đạt
83.	Lê Tuấn	Anh	28/01/97		Quản lý văn hóa		0	Văn	6.2	Sử	6.6	Địa	6.6	19.4	Đạt
84.	Trần Quỳnh	Anh	18/10/97	Nữ	Quản lý văn hóa		2	Văn	6.9	Sử	6.7	Địa	6.6	20.7	Đạt
85.	Lường Thị	Hằng	14/12/98	Nữ	Quản lý văn hóa	01	1	Văn	6.7	Toán	5.7	Anh	7.25	23.15	Đạt
86.	Nguyễn Thị	Lộc	08/10/98	Nữ	Quản lý văn hóa		2NT	Văn	7.7	Toán	8.4	Anh	7.5	24.6	Đạt
87.	Nguyễn Thị	Hiền	17/08/98	Nữ	Quản trị DVDL&LH		2NT	Văn	7.0	Sử	7.0	Địa	7.9	22.9	Đạt
88.	Ngô Thị	Huyền	25/01/98	Nữ	Quản trị DVDL&LH		2NT	Văn	5.8	Sử	6.4	Địa	6.8	20	Đạt
89.	Trịnh Thị	Mai	30/07/97	Nữ	Quản trị DVDL&LH		2NT	Toán	6.9	Văn	6.6	Anh	6.8	21.3	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
90.	Dương Việt	Phương	18/01/95		Quản trị DVDL&LH		1	Toán	4.9	Văn	5.7	Anh	7.0	19.1	Đạt
91.	Phạm Thị	Phượng	16/10/98	Nữ	Quản trị DVDL&LH		2NT	Văn	6.2	Sử	6.9	Địa	7.2	21.3	Đạt
92.	Hoàng Ngọc	Anh	06/04/92		Quản trị khách sạn		2NT	Toán	4.6	Lý	5.1	Hoá	8.0	13.6	Đạt
93.	Trần Thị	Anh	27/03/97	Nữ	Quản trị khách sạn		2NT	Văn	5.6	Sử	5.3	Địa	7.5	18.5	Đạt
94.	Nguyễn Ngọc	Cường	04/08/97		Quản trị khách sạn		2	Toán	7.8	Lý	7.6	Hoá	6.4	22.3	Đạt
95.	Lữ Văn	Hạnh	10/10/98		Quản trị khách sạn		0	Văn	4.8	Toán	5.5	Anh	9.0	13.8	Đạt
96.	Lê Văn	Hiền	22/03/96		Quản trị khách sạn		2NT	Toán	5.1	Lý	5.4	Hoá	8.0	19.5	Đạt
97.	Hoàng Thị	Hường	20/10/97		Quản trị khách sạn		2NT	Toán	6.2	Lý	5.7	Hoá	7.1	20	Đạt
98.	Yên Thị	Nhung	06/05/93	Nữ	Quản trị khách sạn		2	Văn	6.0	Sử	6.2	Địa	6.4	19.1	Đạt
99.	Nguyễn Thị	Phượng	14/12/98	Nữ	Quản trị khách sạn		2NT	Toán	7.2	Lý	6.6	Hoá	6.5	21.3	Đạt
100.	Vũ Xuân	Quý	08/10/98		Quản trị khách sạn		2NT	Văn	7.3	Sử	6.8	Địa	6.9	22	Đạt
101.	Phạm Văn	Thành	14/12/96		Quản trị khách sạn	01	1	Toán	5.4	Văn	4.8	Anh	9.0	22.7	Đạt
102.	Hà Thị	Thiệp	20/06/97	Nữ	Quản trị khách sạn	01	1	Toán	5.4	Văn	4.7	Anh	9.5	23.1	Đạt
103.	Nguyễn Thu	Trang	30/07/97	Nữ	Quản trị khách sạn		2	Văn	6.7	Sử	6.8	Địa	6.5	20.5	Đạt
104.	Hoàng Văn	Anh	16/03/97		Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	7.9	NK1	7.0	NK2	7.1	23	Đạt
105.	Ngân Thị	Anh	19/07/97	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	6.8	NK1	6.7	NK2	6.9	23.9	Đạt
106.	Nguyễn Tuấn	Anh	12/04/91		Sư phạm âm nhạc		2	Văn	6.0	NK1	7.0	NK2	7.0	20.5	Đạt
107.	Phạm Tuấn	Anh	22/08/97		Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	5.9	NK1	6.0	NK2	6.5	21.9	Đạt
108.	Nguyễn Viết	Cường	22/08/98		Sư phạm âm nhạc		2	Văn	7.3	NK1	5.9	NK2	9.5	23.2	Đạt
109.	Lương Văn	Dương	11/12/98		Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	5.7	NK1	6.6	NK2	6.4	22.2	Đạt
110.	Trần Ngọc	Dương	18/01/95		Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	6.7	NK1	7.0	NK2	7.0	21.7	Đạt
111.	Hà Ngọc	Hà	28/08/98	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	8.1	NK1	8.4	NK2	8.7	28.7	Đạt
112.	Lâm Thuý	Hà	14/12/96	Nữ	Sư phạm âm nhạc		2	Văn	6.0	NK1	7.0	NK2	7.0	20.5	Đạt
113.	Vũ Văn	Hùng	08/10/97		Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	9.0	NK1	7.8	NK2	9.5	27.3	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
114.	Hà Thị	Khương	20/11/98	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	7.2	NK1	7.5	NK2	7.3	25.5	Đạt
115.	Lê Văn	Khương	10/01/97		Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	5.8	NK1	6.0	NK2	6.5	21.8	Đạt
116.	Lê Thị	Liên	27/09/97	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	6.5	NK1	6.4	NK2	5.8	22.2	Đạt
117.	Phạm Thị	Liên	20/06/97	Nữ	Sư phạm âm nhạc		1	Văn	7.8	NK1	7.0	NK2	7.0	23.3	Đạt
118.	Nguyễn Thị Trang	Linh	27/03/97	Nữ	Sư phạm âm nhạc		2	Văn	5.5	NK1	6.0	NK2	8.0	20	Đạt
119.	Ngân Văn	Nhất	06/04/92		Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	5.3	NK1	6.0	NK2	6.5	18.8	Đạt
120.	Trịnh Thị	Nhung	26/09/92	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	7.1	NK1	6.6	NK2	5.9	23.1	Đạt
121.	Bùi Thị	Phượng	29/12/98	Nữ	Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	5.2	NK1	5.1	NK2	8.5	18.8	Đạt
122.	Lê Nguyên	Phượng	09/12/98		Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	6.7	NK1	6.8	NK2	6.8	21.3	Đạt
123.	Lộc Thị	Thảo	08/06/98	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	6.6	NK1	6.9	NK2	7.1	24.1	Đạt
124.	Mạc Thị	Tự	13/03/98	Nữ	Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	6.8	NK1	6.0	NK2	6.0	22.3	Đạt
125.	Lương Văn	Tuân	22/03/96		Sư phạm âm nhạc	01	1	Văn	5.2	NK1	6.0	NK2	6.0	20.7	Đạt
126.	Lê Hà	Uyên	30/04/97	Nữ	Sư phạm âm nhạc		2NT	Văn	6.0	NK1	6.0	NK2	6.0	19	Đạt
127.	Trần Thị	Yến	29/02/96	Nữ	Sư phạm âm nhạc		2	Văn	7.5	NK1	7.0	NK2	6.5	21.5	Đạt
128.	Lữ Thị	Linh	04/05/96	Nữ	Sư phạm mỹ thuật	01	1	Văn	7.0	NK1	6.2	NK2	6.4	23.1	Đạt
129.	Lê Tuyết	Mai	22/04/97	Nữ	Sư phạm mỹ thuật	01	1	Văn	7.7	NK1	7.0	NK2	8.0	26.2	Đạt
130.	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/06/98	Nữ	Thanh nhạc		2NT	Văn	6.7	NK1	5.0	NK2	6.0	18.7	Đạt
131.	Ngô Thị	Uyên	11/12/96	Nữ	Thanh nhạc		2NT	Văn	5.8	NK1	6.4	NK2	6.8	20	Đạt
132.	Lường Thị	Lan	08/11/96	Nữ	Thiết kế thời trang		2NT	Văn	7.1	NK1	6.0	NK2	8.0	22.1	Đạt
133.	Lê Tuấn	Nhất	23/11/98		Thiết kế thời trang		0	Văn	6.2	NK1	6.6	NK2	6.6	19.4	Đạt
134.	Ngân Văn	Do	28/07/97		Thông tin học		2NT	Văn	5.3	Sử	6.0	Địa	6.5	18.8	Đạt
135.	Lương Quốc	Hoàng	21/10/96		Thông tin học	01	1	Toán	7.0	Văn	5.8	Anh	7.3	23.6	Đạt
136.	Lương Văn	Kít	09/09/96		Thông tin học	01	1	Văn	5.2	Sử	6.0	Địa	6.0	20.7	Đạt
137.	Lữ Thị Thanh	Lam	04/02/98	Nữ	Thông tin học	01	1	Văn	6.8	Sử	7.3	Địa	6.9	24.5	Đạt

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M1	ĐM1	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
138.	Hoàng Thị	Lan	15/10/97	Nữ	Thông tin học		2NT	Toán	6.2	Lý	5.7	Hoá	7.1	20	Đạt
139.	Nguyễn Ngọc	Mai	27/09/96	Nữ	Thông tin học		2	Toán	7.8	Lý	7.6	Hoá	6.4	22.3	Đạt
140.	Phạm Thị	Thủy	21/07/98	Nữ	Thông tin học	01	1	Văn	6.7	Sử	7.1	Địa	6.7	24	Đạt
141.	Phạm Thị	Yến	20/10/95	Nữ	Thông tin học		2NT	Văn	6.2	Sử	6.9	Địa	7.2	21.3	Đạt
142.	Nguyễn Thị	Anh	29/12/97	Nữ	Việt Nam học		2NT	Toán	7.2	Lý	6.6	Hoá	6.5	21.3	Đạt
143.	Trịnh Thị	Duyên	04/10/97	Nữ	Việt Nam học		2NT	Văn	7.0	Sử	6.8	Địa	7.1	21.9	Đạt
144.	Vũ Xuân	Hoàng	28/02/96		Việt Nam học		2NT	Văn	7.3	Sử	6.8	Địa	6.9	22	Đạt
145.	Nguyễn Thu	Lam	12/03/97	Nữ	Việt Nam học		2	Văn	6.7	Sử	6.8	Địa	6.5	20.5	Đạt
146.	Nguyễn Văn	Linh	04/07/97		Việt Nam học		2NT	Văn	5.7	Sử	6.2	Địa	6.4	19.3	Đạt
147.	Trần Ngọc	Linh	12/08/97		Việt Nam học		2NT	Văn	6.7	Sử	7.0	Địa	7.0	21.7	Đạt
148.	Vũ Thị	Linh	19/11/97	Nữ	Việt Nam học		2NT	Toán	7.2	Lý	7.1	Hoá	7.1	22.4	Đạt
149.	Lưu Thị	Thanh	21/07/98	Nữ	Việt Nam học		2	Văn	6.0	Sử	6.2	Địa	6.4	19.1	Đạt
150.	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	25/11/98	Nữ	Việt Nam học		2NT	Văn	7.0	Sử	6.7	Địa	7.3	22	Đạt
151.	Lê Anh	Tuấn	22/04/97		Việt Nam học		2	Văn	5.8	Sử	6.2	Địa	6.0	18.5	Đạt

KT. CHỦ TỊCH HĐTS
(Đã ký)

NGƯỜI LẬP

TS. Lê Thanh Hà

Lưu Vũ Nam

Thanh Hoá, ngày 23 tháng 05 năm 2016

KẾT QUẢ SƠ TUYỂN NĂNG KHIẾU NGÀNH THANH NHẠC (ĐỢT 1)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Phái	Ngành	ĐT	KV	M2	ĐM2	M3	ĐM3	TĐ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/06/98	Nữ	Thanh nhạc		2NT	NK1	5.0	NK2	6.0	11.0	
2	Lê Thị Khánh	Linh	18/02/98	Nữ	Thanh nhạc		2	NK1	5.5	NK2	6.0	11.5	
3	Nguyễn Thị Hà	Mi	11/04/98	Nữ	Thanh nhạc		2	NK1	5.0	NK2	6.0	11.0	
4	Phạm Văn	Minh	10/11/97		Thanh nhạc		2	NK1	6.0	NK2	6.5	12.5	
5	Lê Quốc	Nam	29/11/97		Thanh nhạc		2	NK1	6.0	NK2	7.0	13.0	
6	Ngọc Bảo	Nhi	01/10/98	Nữ	Thanh nhạc		2	NK1	6.5	NK2	8.0	14.5	
7	Trần văn	Quân	02/02/97		Thanh nhạc		2	NK1	5.0	NK2	4.0	9.0	
8	Mai Thị	Quỳnh	17/03/98	Nữ	Thanh nhạc		0	NK1	5.5	NK2	7.0	12.5	

KT. CHỦ TỊCH HĐTS

NGƯỜI LẬP

TS. Lê Thanh Hà

Lưu Vũ Nam